

NHU CẦU DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI QUÀ LỄ, TẾT NĂM 2026 VÀ QUÀ HIỆN VẬT NĂM 2026  
THEO NGHỊ QUYẾT 31/2025/NQ-HĐND TỈNH NGÀY 10/12/2025  
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2025)

| TT | Đơn vị         | Quà hiện vật nhân dịp Tết cổ truyền (theo điểm c, khoản 2, Điều 3, NQ.31/2025 đang hưởng trợ cấp hằng tháng) định mức 500.000 đồng/suất |                                                                                                           |                                              |                                                      |                                                                                                              |                    |                                                                                    |                    | Quà bằng Tiền mặt nhân dịp Tết cổ truyền (theo điểm a, khoản 2, Điều 3, NQ.31/2025): định mức 500.000 đồng/suất |                                                                       |                                                                                                           |                                              |                                                      |                                                                                                              |                    |                                                                                    |                                                                       |                                                                               |                                                                                                        |                                                               |                                                                                                                                                                 |                                    | Quà bằng Tiền mặt nhân ngày TBLS 27/7 (theo điểm a, khoản 1, Điều 3, NQ.31/2025): định mức 500.000 đồng/suất |                                   |                                              |                                                      |                                                                       |                                                                                                              |                    |                                                                               |                                                                                                        |                                                                                    | Cộng | Tổng số tiền đã giao trong dự toán 2026 ở mục Quà, Lễ Tết | Tổng số tiền còn phải cấp |                    |                                   |
|----|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------|-----------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------|-----------------------------------|
|    |                | Người hoạt động CM trước ngày 01/01/1945(gọi là cán bộ LTCM) (nhóm 1)                                                                   | Người hoạt động CM từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (gọi là cán bộ TKN) (nhóm 2) | Anh hùng Lao động vũ trang nhân dân (nhóm 3) | Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến (nhóm 4) | Thương binh, người hưởng CSNTB và thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993 (nhóm 6) | Bệnh binh (nhóm 7) | Gia đình liệt sĩ: Gia đình đang hưởng tuất và gia đình thờ cúng liệt sĩ. (nhóm 13) | Tổng cộng số người | Tổng số tiền bằng hiện vật (ĐVT: 1000 đồng)                                                                     | Người hoạt động CM trước ngày 01/01/1945(gọi là cán bộ LTCM) (nhóm 1) | Người hoạt động CM từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (gọi là cán bộ TKN) (nhóm 2) | Anh hùng Lao động vũ trang nhân dân (nhóm 3) | Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến (nhóm 4) | Thương binh, người hưởng CSNTB và thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993 (nhóm 6) | Bệnh binh (nhóm 7) | Gia đình liệt sĩ: Gia đình đang hưởng tuất và gia đình thờ cúng liệt sĩ. (nhóm 13) | Bà mẹ Việt Nam anh hùng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng (nhóm 5) | Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng (nhóm 8) | Người HDKC bị nhiễm CĐHH và con đẻ của người HDKC bị nhiễm CĐHH đang hưởng trợ cấp hằng tháng (nhóm 9) | Thanh niên xung phong đang hưởng trợ cấp hằng tháng (nhóm 10) | Người tham gia KC, CTBVTQ và làm NVQT đang hưởng trợ cấp hằng tháng (theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg; 53/2010/QĐ-TTg; Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg (nhóm 11) | Người bị địch bắt tù đày (nhóm 12) | Tổng cộng số người                                                                                           | Tổng số tiền mặt (ĐVT: 1000 đồng) | Anh hùng Lao động vũ trang nhân dân (nhóm 3) | Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến (nhóm 4) | Bà mẹ Việt Nam anh hùng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng (nhóm 5) | Thương binh, người hưởng CSNTB và thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993 (nhóm 6) | Bệnh binh (nhóm 7) | Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng (nhóm 8) | Người HDKC bị nhiễm CĐHH và con đẻ của người HDKC bị nhiễm CĐHH đang hưởng trợ cấp hằng tháng (nhóm 9) | Gia đình liệt sĩ: Gia đình đang hưởng tuất và gia đình thờ cúng liệt sĩ. (nhóm 13) |      |                                                           |                           | Tổng cộng số người | Tổng số tiền mặt (ĐVT: 1000 đồng) |
| 1  | 2              | 3                                                                                                                                       | 4                                                                                                         | 5                                            | 6                                                    | 7                                                                                                            | 8                  | 9                                                                                  | 10                 | 11                                                                                                              | 12                                                                    | 13                                                                                                        | 14                                           | 15                                                   | 16                                                                                                           | 17                 | 18                                                                                 | 19                                                                    | 20                                                                            | 21                                                                                                     | 22                                                            | 23                                                                                                                                                              | 24                                 | 25                                                                                                           | 26                                | 27                                           | 28                                                   | 29                                                                    | 30                                                                                                           | 31                 | 32                                                                            | 33                                                                                                     | 34                                                                                 | 35   | 36                                                        | 37=11+26+36               | 38                 | 39=37-38                          |
| 01 | Xã Phước Giang | 0                                                                                                                                       | 0                                                                                                         | 0                                            | 0                                                    | 91                                                                                                           | 8                  | 198                                                                                | 297                | 148.500                                                                                                         | 0                                                                     | 0                                                                                                         | 0                                            | 0                                                    | 91                                                                                                           | 8                  | 198                                                                                | 1                                                                     | 1                                                                             | 5                                                                                                      |                                                               |                                                                                                                                                                 | 10                                 | 314                                                                                                          | 157.000                           |                                              |                                                      | 1                                                                     | 91                                                                                                           | 8                  | 1                                                                             | 5                                                                                                      | 198                                                                                | 304  | 152.000                                                   | 457.500                   |                    | 457.500                           |
|    | Tổng cộng      | 0                                                                                                                                       | 0                                                                                                         | 0                                            | 0                                                    | 91                                                                                                           | 8                  | 198                                                                                | 297                | 148.500                                                                                                         | 0                                                                     | 0                                                                                                         | 0                                            | 0                                                    | 91                                                                                                           | 8                  | 198                                                                                | 1                                                                     | 1                                                                             | 5                                                                                                      | 0                                                             | 0                                                                                                                                                               | 10                                 | 314                                                                                                          | 157.000                           | 0                                            | 0                                                    | 1                                                                     | 91                                                                                                           | 8                  | 1                                                                             | 5                                                                                                      | 198                                                                                | 304  | 152.000                                                   | 457.500                   | 0                  | 457.500                           |